TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/DS-ST
Ngày: 27-8-2020
V/v "Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN,TỈNH BẮC GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

** Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân

** Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Ông Trần Văn Thiện

- Thư ký phiên toà: Bà Vi Thị Lan PH- Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 42/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2020/QĐXXST-DS ngày 15/7/2020; Quyết định hoãn phiên toà số 91/2020/QĐST-DS ngày 29/7/2020, số 98/2020/QĐST-DS ngày 10/8/2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** *Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1937 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Cầu Yêu, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L:*** *Bà Nguyễn Thị Hòa - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang (có mặt)*

**** Bị đơn:*** *Chị Dương Thị H, sinh năm 1975 (vắng mặt)*

Nơi ĐKHKTT: Thôn Cầu Yêu, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Hiện trú tại: Thôn Châu Sơn, xã Ngọc Châu, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** *Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1936 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Cầu Yêu, xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/03/2020 và bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày:

Ngày 03/6/2014 chị Dương Thị H có đến hỏi vay bà số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy vay, bà và chị H không hẹn ngày trả lãi suất mà chỉ nói với nhau là hàng tháng trả lãi. Hai bên có lập văn bản do chị H chính tay viết, chị H ký tên vào giấy vay tiền của bà. Bà là người trực tiếp giao tiền mặt cho chị H nhận và ký giấy vay. Sau khi thực hiện hợp đồng vay chị H có trả lãi cho bà, nhưng sau đó trả không đúng hẹn có một số tháng lãi không trả. Bà không nhớ tổng số tiền lãi là bao nhiêu. Sau khi vay thì đến ngày 03/9/2014 chị H trả 1.000.000 đồng còn nợ lại bà 24.000.000 đồng tiền nợ gốc, đến ngày 17/12/2018 chị H trả bà 2.000.000 đồng trừ vào nợ gốc. Bà đã nhiều lần đến nhà chị H để yêu cầu thanh toán trả hết số tiền nợ gốc nhưng chị H khất nợ. Vì hiện nay bà tuổi già sức yếu không thể suốt ngày đi đến nhà chị H đòi tiền nợ nên bà đề nghị Tòa án buộc chị H thanh toán trả bà số tiền còn lại của số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng. Bà không yêu cầu chị H trả tiền lãi. Bà chỉ cho chị H vay tiền, chị H vay cá nhân riêng, chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho bà số tiền này, chồng và các con của chị H không biết và không liên quan đến số tiền vay của bà nên bà đề nghị không đưa chồng và các con của chị H vào trong vụ án này, bà cũng không yêu cầu buộc chồng và các con chị H phải trả số tiền này mà chỉ yêu cầu một mình chị H có trách nhiệm trả bà số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng.

Khi lập giấy biên nhận vay tiền ngày 03/6/2014 và trả tiền ngày 03/9/2014, ngày 17/12/2018 thì chỉ có vợ chồng bà và chị H, ngoài ra không có ai khác. Khi chị H vay số tiền trên có nói với bà là mục đích vay tiền riêng, không liên quan đến chồng chị H là anh Thuẫn và các con chị H. Anh T và các con chị H không biết việc vay tiền này. Bà xác định khoản vay nợ trên là của cá nhân chị H, không liên quan gì đến chồng chị H. Bà xác định khoản tiền cho vay trên là khoản tiền chung của vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu chị H trả vợ chồng bà số tiền 22.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 03/6/2014. Bà không yêu cầu chị H trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay bà L có mặt trình bày: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu chị H phải trả vợ chồng bà số tiền 22.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 03/6/2014. Bà không yêu cầu chị H trả tiền lãi.

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ngày 03/6/2014 chị Dương Thị H có đến hỏi vay vợ chồng ông số tiền 25.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận miệng, không ghi vào giấy vay, hai bên không hẹn ngày trả lãi suất mà chỉ nói với nhau là hàng tháng trả lãi. Hai bên có lập văn bản do chị H chính tay viết, chị H ký tên vào giấy vay tiền của vợ chồng ông. Bà L là người trực tiếp giao tiền mặt cho chị H nhận và ký giấy vay. Sau khi thực hiện hợp đồng vay chị H có trả lãi cho vợ chồng ông, nhưng sau đó trả không đúng hẹn có một số tháng lãi không trả. Ông không nhớ tổng số tiền lãi chị H trả là bao nhiêu. Sau khi vay thì đến ngày 03/9/2014 chị H trả 1.000.000 đồng còn nợ lại vợ chồng ông 24.000.000 đồng tiền nợ gốc, đến ngày

17/12/2018 chị H trả vợ chồng ông 2.000.000 đồng trừ vào nợ gốc. Bà L đã nhiều lần đến nhà chị H để yêu cầu thanh toán trả hết số tiền nợ gốc nhưng chị H toàn khất nợ. Nay ông nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị Tòa án buộc chị H thanh toán trả vợ chồng ông số tiền còn lại của số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng. Vợ chồng ông không yêu cầu trả tiền lãi. Vợ chồng ông chỉ cho chị H vay tiền, chị H vay với mục đích cá nhân riêng, chị H phải có trách nhiệm trả nợ cho vợ chồng ông số tiền trên, chồng và các con của chị H không biết và không liên quan đến số tiền vay của vợ chồng ông nên ông đề nghị chỉ yêu cầu một mình chị H có trách nhiệm trả vợ chồng ông số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng.

Khi lập giấy biên nhận vay tiền ngày 03/6/2014 và trả tiền ngày 03/9/2014, ngày 17/12/2018 thì chỉ có vợ chồng ông và chị H, ngoài ra không có ai khác. Khi chị H vay số tiền trên có nói với ông là mục đích vay tiền riêng, không liên quan đến chồng chị H là anh T và các con chị H. Anh T và các con chị H không biết việc vay tiền này. Ông xác định khoản vay nợ trên là của cá nhân chị H, không liên quan gì đến chồng chị H. Ông xác định khoản tiền cho vay trên là khoản tiền chung của vợ chồng ông. Nay ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, yêu cầu chị H trả vợ chồng ông số tiền 22.000.000 đồng tiền gốc theo giấy biên nhận vay tiền 03/6/2014. Ông không yêu cầu chị H trả tiền lãi.

Tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Văn K vắng mặt.

* Tại các buổi làm việc tại Tòa án, Tòa án đã giao gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ, thông báo hòa giải bị đơn chị Dương Thị H đều vắng mặt và không có ý kiến gì về việc vay trả nợ. Tại phiên tòa hôm nay chị Dương Thị H vắng mặt.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Hòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc chị H phải trả cho vợ chồng bà L, ông K số tiền còn nợ 22.000.000 đồng.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa nguyên đơn bà L thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Bị đơn chị H; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144, Điều 147; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; Điều 474; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L; Buộc chị Dương Thị H phải trả cho bà L, ông K số tiền gốc còn nợ là 22.000.000 đồng. Về lãi suất bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa bà Đỗ Thị L và chị Dương Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn chị H, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Về quan hệ pháp luật: Bà Đỗ Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu chị H có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền ngày 03/6/2014 và bà không yêu cầu trả lãi được xác định là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị L, Hội đồng xét xử thấy:

* Về nghĩa vụ trả tiền và số tiền phải trả: Tại giấy vay tiền đề ngày 03/6/2014 số tiền vay là 25.000.000 đồng, ngày 03/9/2014 chị H đã trả được 1.000.000 đồng có ghi vào phía dưới của giấy vay tiền, đến ngày 17/12/2018 chị H đã trả được 2.000.000 đồng không ghi vào giấy vay tiền trên, giấy vay tiền có chữ ký của chị H ký vào mục " người vay ký tên"; bà L khẳng định chữ viết và chữ ký "H, Dương Thị H" trong giấy biên nhận vay tiền là chữ viết và chữ ký của chị H. Tại các buổi làm việc và hòa giải của Tòa án thì chị H đều vắng mặt, không có ý kiến và cũng không cung cấp được các tài liệu chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền lợi ích cho mình.

Mặt khác, bà L, ông K trình bày trong giấy biên nhận vay tiền trên chỉ có chị H giao dịch với vợ chồng ông bà, ông bà chỉ yêu cầu chị H trả cho ông bà số tiền trên, ông bà không yêu cầu chồng và con chị H phải có trách nhiệm trả số tiền này. Nên cần buộc cá nhân chị H phải có trách nhiệm trả cho bà L, ông K số tiền trên.

Tại phiên tòa bà L vẫn yêu cầu chị H phải trả cho vợ chồng bà số tiền 22.000.000 đồng tiền gốc. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy cần buộc chị H có trách nhiệm phải trả nợ cho bà L, ông K số tiền nợ gốc là 22.000.000 đồng là có căn cứ cần được chấp nhận.

* Về lãi suất bà L, ông K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do tại phiên tòa chị H vắng mặt nên không thỏa thuận được lãi suất chậm thi hành án, lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[6] Về án phí

Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên chị H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí chị H phải chịu là: 22.000.000 đồng x 5% = 1.100.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26; Điều 35; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 471; Điều 474; Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về nghĩa vụ trả nợ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L. Buộc chị Dương Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Văn K số tiền gốc là 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

[2] Án phí

Chị Dương Thị H phải chịu 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Vân